

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2010/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2010

THÔNG TƯ

về xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, quy trình, thủ tục xét, trao tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cá nhân có sản phẩm tham dự Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc xét tặng

1. Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam là Giải thưởng duy nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trao tặng cho các tập thể, cá nhân có sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện và quy trình xét tặng Giải thưởng được quy định tại Chương II của Thông tư này.

2. Sản phẩm bao gồm:

a) Là hàng hóa nông nghiệp có chất lượng cao, có thương hiệu uy tín;

b) Là sáng chế, phát minh, công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được áp dụng vào sản xuất nông nghiệp, góp phần tích cực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

3. Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam được xét tặng hai năm một lần.

4. Việc xét tặng phải được thực hiện đúng đối tượng, điều kiện, quy trình quy định tại Thông tư này; đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, khách quan.

5. Các sản phẩm được Hội đồng xét tặng cấp Bộ cho điểm bình quân đạt tối thiểu từ 70 điểm trở lên mới đủ điều kiện để được xét trao giải (theo các tiêu chí quy định tại phụ lục 6 của Thông tư này).

6. Những sản phẩm đã được trao Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam không được tham gia bình xét trong những lần tiếp theo.

Điều 4. Số lượng, cơ cấu giải thưởng

Mỗi lần xét trao Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam cho không quá 100 sản phẩm đạt giải, cơ cấu theo 03 nhóm đối tượng sau:

1. Nhóm các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích; công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Không quá 40 giải thưởng.

2. Nhóm giống cây trồng, vật nuôi, vật tư kỹ thuật nông nghiệp, máy móc thiết bị, hàng hóa thủ công mỹ nghệ: Không quá 40 giải thưởng.

3. Nhóm thương hiệu hàng hóa có uy tín: Không quá 20 giải thưởng.

Chương II

ĐIỀU KIỆN VÀ QUY TRÌNH XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG

Điều 5. Điều kiện để xét tặng

1. Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam trao tặng cho các tập thể, cá nhân trong, ngoài ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, người nước ngoài làm việc tại Việt Nam có một trong những sản phẩm được quy định tại Khoản 2, Điều 3 của Thông tư này.

2. Giải thưởng được xét tặng cho tập thể hoặc cá nhân là tác giả, đồng tác giả có sản phẩm được quy định tại Khoản 2, Điều 3 của Thông tư này và phải được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (tiêu chí cụ thể của các nhóm sản phẩm được quy định tại phụ lục 6 của Thông tư này):

a) Các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích: Được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận;

b) Kết quả công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Đã được Hội đồng Khoa học công nghệ cấp có

thẩm quyền nghiệm thu đạt loại khá trở lên và được ứng dụng trong sản xuất trên quy mô lớn ít nhất 03 năm, được ít nhất một Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố xác nhận;

c) Các loại giống cây trồng, vật nuôi, vật tư kỹ thuật nông nghiệp, máy móc thiết bị, hàng hóa thủ công mỹ nghệ: Được áp dụng trong sản xuất và lưu thông trên diện rộng trong thời gian 03 năm, được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh xác nhận;

d) Thương hiệu hàng hóa có uy tín: Được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh xác nhận.

3. Không có tranh chấp về quyền tác giả, không có khiếu kiện, khiếu nại về năng suất, chất lượng của sản phẩm và không có tác động xấu đến sức khỏe của con người và môi trường.

4. Có đầy đủ tài liệu chứng minh những sản phẩm đó thuộc quyền sở hữu của tác giả hoặc đồng tác giả.

5. Các hồ sơ, thủ tục khác đảm bảo theo hướng dẫn, yêu cầu tại Điều 9 của Thông tư này; hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng phải gửi về Bộ đúng thời gian quy định theo dấu bưu điện.

6. Sản phẩm của các tập thể, cá nhân đang trong thời gian thi hành các hình thức kỷ luật không được tham gia xét trao Giải thưởng.

Điều 6. Quy trình xét tặng

Quy trình xét tặng được tổ chức qua hai cấp là cấp cơ sở và cấp Bộ:

1. Hội đồng xét tặng cấp cơ sở: Do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Tổng giám đốc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố, Chủ tịch các Hội, Hiệp hội (hoạt động trong các lĩnh vực thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý) thành lập và tổ chức xét chọn trước khi lập hồ sơ báo cáo đề nghị trình lên Hội đồng xét tặng cấp Bộ theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

2. Hội đồng xét tặng cấp Bộ: Do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập. Hội đồng xét tặng cấp Bộ chỉ tổ chức họp xét các sản phẩm do Hội đồng xét tặng cấp cơ sở trình lên.

Điều 7. Hội đồng xét tặng cấp Bộ

1. Thành viên Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp Bộ bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Thứ trưởng, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ;

c) Lãnh đạo Tổng cục Thủy sản: Ủy viên Hội đồng;

d) Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi: Ủy viên Hội đồng;

đ) Lãnh đạo Tổng cục Lâm nghiệp: Ủy viên Hội đồng;

e) Lãnh đạo Cục Chế biến, Thương mại Nông lâm thủy sản và Nghề muối: ủy viên Hội đồng;

g) Lãnh đạo Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường: Ủy viên Hội đồng;

h) Lãnh đạo Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: Ủy viên Hội đồng;

i) Lãnh đạo Cục Trồng trọt: Ủy viên Hội đồng;

k) Lãnh đạo Cục Chăn nuôi: Ủy viên Hội đồng;

l) Lãnh đạo Cục Thú y: Ủy viên Hội đồng;

m) Lãnh đạo Cục Bảo vệ thực vật: Ủy viên Hội đồng;

n) Lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quốc gia: Ủy viên Hội đồng;

o) Lãnh đạo Thanh tra Bộ: Ủy viên Hội đồng;

ô) Lãnh đạo Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam: Ủy viên Hội đồng;

ơ) Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, phụ trách công tác thi đua khen thưởng: ủy viên Hội đồng;

p) Trưởng Phòng Thi đua, Khen thưởng và Kỷ luật, Vụ Tổ chức cán bộ: Thư ký Hội đồng.

Trong các phiên họp Hội đồng xét tặng, có thể mời các chuyên gia, nhà khoa học, do người chủ trì phiên họp quyết định.

2. Chức năng Hội đồng:

Hội đồng xét tặng có chức năng tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét chọn các sản phẩm đạt Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam trong mỗi lần tổ chức.

3. Nhiệm vụ Hội đồng:

a) Hội đồng xét tặng làm việc theo nguyên tắc chấm điểm và bỏ phiếu của các thành viên Hội đồng (quy định tại phụ lục 6 của Thông tư này);

b) Hội đồng xét tặng những sản phẩm xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển ngành và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam;

c) Hội đồng xét tặng phải có Tờ trình Bộ trưởng, kèm theo bảng tổng hợp, biên bản đề trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét quyết định trước ngày tổ chức trao giải;

d) Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng xét tặng cấp Bộ có trách nhiệm đi kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực tế tại địa phương, cơ sở có các sản phẩm của tập thể, cá nhân đề nghị xét trao Giải thưởng.

Điều 8. Hoạt động của Hội đồng cấp cơ sở và cấp Bộ

1. Hội đồng xét tặng cấp cơ sở và cấp Bộ làm việc theo nguyên tắc dân chủ, chấm điểm và bỏ phiếu của các thành viên Hội đồng thông qua các phiên họp của Hội đồng (quy định tại phụ lục 6 của Thông tư này).

2. Các phiên họp của Hội đồng xét tặng cấp cơ sở và cấp Bộ được coi là hợp lệ khi có 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt. Điểm chấm bình quân của các thành viên Hội đồng là hợp lệ khi có 2/3 số thành viên Hội đồng tham gia chấm điểm; khi có từ 02 sản phẩm trở lên có số điểm bằng nhau và chỉ lựa chọn số lượng ít hơn, quyền quyết định cuối cùng thuộc về Chủ tịch Hội đồng. Thang chấm điểm tối thiểu là 1,0.

Điều 9. Hồ sơ và thời gian xét tặng

1. Hồ sơ của các tập thể, cá nhân gửi Hội đồng cấp cơ sở:

a) Hồ sơ gồm 03 bộ, đựng trong phong bì bìa cứng (kích thước 30 x 25cm), bao gồm các nội dung từ mục 3 đến mục 9 quy định tại phụ lục 5 của Thông tư này;

b) Thời gian nhận hồ sơ chậm nhất là ngày 31/01 của năm tổ chức xét và trao Giải thưởng.

2. Hồ sơ do Hội đồng cấp cơ sở trình Bộ:

a) Hồ sơ gồm 02 bộ, đựng trong phong bì bìa cứng (kích thước 30 x 25cm), bao gồm các nội dung được quy định tại phụ lục 5 của Thông tư này;

b) Thời gian nhận hồ sơ chậm nhất là ngày 31/5 của năm tổ chức xét và trao Giải thưởng;

c) Nơi nhận hồ sơ:

Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương III

TỔ CHỨC TRAO GIẢI VÀ KINH PHÍ

Điều 10. Tổ chức trao tặng

1. Lễ trao tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam được tổ chức hai năm một lần tại Thủ đô Hà Nội hoặc địa phương vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Bộ Canh nông, nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ngày 14/11).

2. Lễ trao tặng Giải thưởng phải được tổ chức trang trọng nhằm tôn vinh các tập thể, cá nhân, để lại ấn tượng tốt đẹp đối với các đại biểu tham dự và toàn xã hội.

3. Giải thưởng được tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 11. Kinh phí

Kinh phí tổ chức Lễ trao Giải thưởng, kinh phí kèm theo Giải thưởng và kinh phí cho hoạt động tuyên truyền quảng bá, tổ chức xét tặng và hoạt động thường xuyên của Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp Bộ từ nguồn kinh phí sau:

1. Nguồn kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Nguồn kinh phí tài trợ của các doanh nghiệp, tập thể, cá nhân trong và ngoài nước.

Điều 12. Quyền lợi của cá nhân, tập thể được tặng Giải thưởng

1. Được tặng Biểu tượng, Giấy chứng nhận Giải thưởng và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Được thưởng tiền hoặc hiện vật theo quy định hiện hành.

3. Được tuyên truyền, quảng bá hình ảnh sản phẩm đạt giải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Quyền được khai thác, sử dụng biểu tượng Giải thưởng trong 03 năm, kể từ khi được trao giải.

5. Sản phẩm đã được tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam được trưng bày trong thời gian 03 năm tính từ khi được Bộ trao tặng Giải thưởng tại một khu

riêng tại các kỳ Hội chợ triển lãm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức và đồng tổ chức.

Chương IV**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 13. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đăng ký Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

2. Vụ Tổ chức cán bộ là cơ quan thường trực tổ chức Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam.

Các cơ quan, đơn vị: Tổng cục trực thuộc Bộ, Văn phòng Bộ, Vụ Tài chính, Vụ Kế hoạch, Cục Chế biến, Thương mại Nông lâm thủy sản và Nghề muối, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản và đơn vị có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình phối hợp chặt chẽ với Vụ Tổ chức cán bộ định kỳ tổ chức Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam đạt chất lượng, kết quả cao.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này thay thế cho Quy chế trao tặng các Giải thưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành trước đây, gồm: Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BNN ngày 01/9/2004; Giải thưởng Cúp hàng nông lâm thủy sản Việt Nam chất lượng cao, uy tín thương mại theo Quyết định số 1895/QĐ-BNN-CB ngày 24/6/2008; Giải thưởng Cúp vàng nông nghiệp theo Quyết định số 1846/QĐ-BNN-VP ngày 23/6/2006 và Giải thưởng Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam theo Quyết định số 2776/QĐ-BNN-CB ngày 25/9/2007.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực

thuộc Bộ, Tổng Giám đốc Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam, Tổng Công ty 91, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch các Hội, Hiệp hội chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến, hướng dẫn nội dung, tiêu chuẩn xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam cho mọi đối tượng trong đơn vị để thực hiện Thông tư này.

3. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành./.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

Phụ lục 1

MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ XÉT GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM*(ban hành kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BNNPTNT**ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)***TÊN ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số:...../TTr-...****Địa danh, ngày..... tháng... năm 20...****TỜ TRÌNH****về việc đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam**

Kính gửi: Hội đồng xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam,
Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn

Thực hiện Luật thi đua, khen thưởng;

Thực hiện Thông tư số 10/2010/TT-BNN-TCCB, ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam.

Căn cứ đơn đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam của các tập thể, cá nhân.

Ngày.... tháng... năm 20..., Hội đồng xét tặng cấp cơ sở (tên đơn vị) đã họp để xét đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam năm..... Sau khi xem xét sản phẩm là..... (sản phẩm chất lượng cao, có sáng chế, phát minh, công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được áp dụng vào sản xuất và đời sống) và đối chiếu với tiêu chuẩn, (tên đơn vị) đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng xét tặng cấp Bộ xét và trao tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam năm.... cho..... tập thể,.... cá nhân.

Xin gửi kèm theo Biên bản họp Hội đồng xét tặng (tên đơn vị), Quyết định thành lập Hội đồng xét tặng Giải thưởng, danh sách đề nghị và các hồ sơ thủ tục theo quy định kèm theo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**(Ký tên, đóng dấu)**

Phụ lục 2

MẪU BIÊN BẢN ĐỀ NGHỊ XÉT GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM*(ban hành kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BNNPTNT**ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TÊN ĐƠN VỊ
HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA
VÀNG VN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... tháng... năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
về việc đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

Ngày..... tháng.... năm....., Hội đồng xét tặng cấp cơ sở (tên đơn vị) đã họp dưới sự chủ trì của (họ và tên, chức danh người chủ trì).

*** Thành phần:**

1. (họ và tên, chức danh người chủ trì).....
2.
3.
4.
5. Thư ký

*** Nội dung:**

Xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam năm.....

*** Kết luận:**

Sau khi xem xét, đối chiếu tiêu chuẩn, các thành viên hội đồng đã chấm điểm các sản phẩm, Hội đồng xét tặng (tên đơn vị) nhất trí đề nghị Hội đồng xét tặng Giải thưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam năm..... cho..... tập thể,.....

Biên bản này làm cơ sở để lập Tờ trình trình Hội đồng xét tặng cấp Bộ./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3

**MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT GIẢI THƯỞNG
BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BNNPTNT
ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM**

(kèm theo Tờ trình số:...../TTr-... ngày..... tháng... năm..... của đơn vị trình)

Số TT	Tên đơn vị hoặc họ, tên cá nhân	Tên sản phẩm làm cơ sở đề nghị xét tặng Giải thưởng	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Không viết tắt chức vụ, chức danh;
- Tập thể ghi rõ danh sách từng thành viên tham gia làm ra sản phẩm.

Phụ lục 4

MẪU ĐĂNG KÝ DỰ XÉT GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM

*(ban hành kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BNNPTNT**ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày.... tháng.... năm 200...

BẢN ĐĂNG KÝ DỰ XÉT

GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM, NĂM.....

Kính gửi: - Hội đồng xét tặng Giải thưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Hội đồng xét tặng Giải thưởng (đơn vị cấp dưới trực tiếp).

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH:

1. Dùng cho đối tượng là tập thể:

- Tên đơn vị: (Ghi bằng chữ in hoa).....
- Địa chỉ trụ sở:.....
- Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

2. Dùng cho đối tượng là cá nhân:

- Họ và tên: (Ghi bằng chữ in hoa).....
- Chức vụ (ghi rõ là chủ nhiệm đề tài, công trình khoa học, người sản xuất ra sản phẩm...)
- Địa chỉ trụ sở:.....
- Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

II. NỘI DUNG:

1. Đăng ký đề nghị tham gia xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam cho sản phẩm: (sản phẩm chất lượng cao, thương hiệu hàng hóa có uy tín, sáng chế, phát minh, công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được áp dụng vào sản xuất và đời sống).

2. Tóm tắt về quá trình hình thành và phát triển của đơn vị (cá nhân), những thuận lợi và khó khăn trong quá trình phát triển, về sản phẩm đề nghị xét giải thưởng Bronze Việt Nam (khả năng ứng dụng, năng suất, chất lượng, hiệu quả, mẫu mã, tính cạnh tranh, tính phổ biến, tác động với môi trường...).

3. Biên bản đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu của Hội đồng khoa học cấp có thẩm quyền hoặc xác nhận của cơ quan chức năng; các văn bản đánh giá việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất của cơ quan quản lý khoa học, cơ quan ứng dụng.

4. Các tài liệu khác có liên quan.

5. Hồ sơ gửi kèm theo bản đăng ký.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(HOẶC CÁ NHÂN)
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5

MẪU HỒ SƠ DỰ XÉT GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM

*(ban hành kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BNNPTNT**ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

HỒ SƠ DỰ XÉT GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM

Hồ sơ gồm 02 bộ, đựng trong phong bì bìa cứng (kích thước 30 x 25cm):

1. Tờ trình đề nghị xét tặng Giải thưởng của Thủ trưởng đơn vị (phụ lục 1).
2. Biên bản bình xét của Hội đồng xét tặng cấp cơ sở (phụ lục 2).
3. Danh sách đề nghị xét tặng Giải thưởng (phụ lục 3).
4. Bản thuyết minh, mô tả sản phẩm.
5. Bản đăng ký đề nghị xét tặng Giải thưởng của tập thể, cá nhân (phụ lục 4).
6. Giấy xác nhận:

- Đối với sản phẩm là giống cây trồng, vật nuôi, vật tư kỹ thuật nông nghiệp, máy móc thiết bị, sản phẩm hàng hóa thủ công mỹ nghệ: Được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh xác nhận năng suất, mẫu mã, chất lượng, tính cạnh tranh, bảo vệ môi trường, được áp dụng trong sản xuất và lưu thông trên diện rộng trong thời gian 03 năm;

- Đối với sản phẩm là các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích: Được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận, xác nhận của cấp có thẩm quyền về tác dụng, hiệu quả của các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích được ứng dụng trong thực tiễn;

- Đối với sản phẩm là công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Được Hội đồng Khoa học công nghệ cấp có thẩm quyền nghiệm thu đạt loại khá trở lên, được ứng dụng trong sản xuất trên quy mô lớn ít nhất 03 năm, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố xác nhận;

- Đối với sản phẩm là thương hiệu hàng hóa có uy tín: Được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh xác nhận.

7. Các mẫu, hình ảnh, tài liệu của sản phẩm dự xét giải thưởng (nếu có).
8. Bản sao các chứng nhận thành tích, các huy chương, bằng khen dự giải của sản phẩm được các Hội chợ, các cơ quan có thẩm quyền cấp.
9. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Phụ lục 6

MẪU BẢNG CHẤM ĐIỂM GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM

(ban hành kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BNNPTNT

ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BẢNG CHẤM ĐIỂM

Mục 1

BẢNG CHẤM ĐIỂM CHO CÁC SẢN PHẨM LÀ GIỐNG CÂY TRỒNG,
VẬT NUÔI, VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP, MÁY MÓC THIẾT BỊ,
SẢN PHẨM THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

TT	Nội dung	Tổng điểm	Chi tiết	Ghi chú
I	Đạt hiệu quả kinh tế xã hội cao: 1. Sản phẩm có tính mới và sáng tạo. 2. Sản phẩm được sản xuất với số lượng lớn, được ứng dụng, phổ biến trên quy mô lớn. 3. Sản phẩm đạt năng suất, chất lượng (mẫu mã), đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội. 4. Góp phần phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, ngành nghề. 5. Sản phẩm có tính cạnh tranh, dễ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. 6. Thân thiện với môi trường và đảm bảo an toàn cho người sử dụng. 7. Có giải pháp bảo vệ quyền lợi và khuyến khích người tiêu dùng tiêu thụ sản phẩm.	90	0-10 0-15 0-20 0-10 0-15 0-10 0-10	
II	Thành tích khen thưởng có liên quan: - Huy chương vàng tại các Hội chợ triển lãm cấp ngành, cấp tỉnh trở lên. - Đạt giải thưởng chất lượng, mẫu mã, giải thưởng khoa học công nghệ từ cấp ngành, cấp tỉnh trở lên.	10	0-5 0-5	
	Tổng cộng:	100		

Ghi chú: Thang điểm chấm theo hệ số 1,0

Mục 2

**BẢNG CHẤM ĐIỂM CHO CÁC SẢN PHẨM LÀ CÁC PHÁT MINH,
SÁNG CHẾ, GIẢI PHÁP HỮU ÍCH; SẢN PHẨM LÀ CÔNG TRÌNH
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

TT	Nội dung	Tổng điểm	Chi tiết	Ghi chú
I	Đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao: - Là sản phẩm mới, có tính sáng tạo không sao chép, lặp lại. - Có khả năng thay thế sản phẩm đã có, dễ áp dụng vào thực tiễn trên quy mô lớn, thuận tiện và an toàn trong việc áp dụng. - Mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. - Tạo ra sản phẩm có thể thay thế nhập khẩu, và có khả năng tham gia xuất khẩu. - Thân thiện với môi trường và an toàn với con người.	90	0-20 0-20 0-30 0-10 0-10	
II	Thành tích khen thưởng liên quan đến chất lượng dịch vụ: - Huy chương Vàng tại các Hội chợ triển lãm cấp ngành, tỉnh trở lên. - Đạt các giải thưởng chất lượng từ cấp ngành, tỉnh trở lên.	10	0-5 0-5	
	Tổng cộng:	100		

Ghi chú: Thang điểm chấm theo hệ số 1,0

Mục 3
ĐỐI VỚI THƯƠNG HIỆU HÀNG HÓA CÓ UY TÍN

TT	Nội dung	Tổng điểm	Chi tiết	Ghi chú
I	Đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao: - Sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, doanh thu hàng năm tăng từ 10% trở lên so với năm trước (doanh nghiệp nhỏ và vừa doanh thu hàng năm phải tăng từ 20% trở lên) - Kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận, nộp ngân sách tăng từ 10 đến 20% trở lên. - Sản phẩm độc đáo, chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn, được người tiêu dùng tín nhiệm, mẫu mã đa dạng. - Sản phẩm có khả năng cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế. - Khai thác tốt tiềm năng về nguyên liệu, tay nghề trong nước, thực hiện tốt chính sách giải quyết việc làm cho người lao động. - Đầu tư công nghệ, trang thiết bị bảo vệ môi trường làm việc và môi trường sinh thái.	90	0-20 0-10 0-20 0-15 0-15 0-10	
II	Thành tích khen thưởng liên quan đến chất lượng sản phẩm: - Huy chương Vàng tại các Hội chợ triển lãm từ cấp ngành, tỉnh trở lên. - Đạt các giải thưởng chất lượng, giải thưởng Khoa học công nghệ từ cấp ngành, tỉnh trở lên.	10	0-5 0-5	
	Tổng cộng:	100		

Ghi chú: Thang điểm chấm theo hệ số 1,0